

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 80/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2004

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thi hành Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998
của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế.**

- Căn cứ các Luật thuế và Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí;
- Căn cứ Luật Hải quan;
- Căn cứ Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 4/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế;
- Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc đăng ký cấp mã số đối tượng nộp thuế (gọi tắt là mã số thuế) và sử dụng mã số thuế như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ MÃ SỐ THUẾ:

1- Khái niệm mã số thuế: Mã số thuế là một dãy số được quy định theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng tổ chức hoặc cá nhân thuộc diện phải kê khai về thuế, khai báo hải quan và phí, lệ phí với cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan (sau đây gọi chung là đối tượng nộp thuế - ĐTN). Mã số thuế được sử dụng để nhận diện đối tượng nộp thuế và được cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2- Đối tượng được cấp mã số thuế: Gồm tất cả các tổ chức, cá nhân thuộc diện phải kê khai đăng ký thuế, kê khai hải quan, kê khai các khoản về thuế, phí, lệ phí

theo quy định của các Luật thuế, Luật Hải quan và Pháp lệnh thuế, phí, lệ phí; (trừ các đối tượng chỉ nộp thuế nhà đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp).

3- Cấu trúc mã số thuế: mã số thuế là một dãy số được chia thành các nhóm như sau:

$N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 - N_{10} - N_{11}N_{12}N_{13}$

Trong đó:

Hai chữ số đầu **N_1N_2** là số phân khoảng tỉnh được quy định theo Danh mục mã phân khoảng tỉnh kèm theo Thông tư này.

Bảy chữ số **$N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9$** được đánh theo số thứ tự từ 0000001 đến 9999999.

Chữ số **N_{10}** là chữ số kiểm tra.

Mười số từ **N_1** đến **N_{10}** được cấp cho đối tượng nộp thuế độc lập và đơn vị chính.

Ba chữ số **$N_{11}N_{12}N_{13}$** là các số thứ tự từ 001 đến 999 được đánh theo từng đơn vị trực thuộc.

4- Nguyên tắc cấp mã số thuế:

Một đối tượng nộp thuế chỉ được cấp một mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động từ khi thành lập cho đến khi ***chấm dứt tồn tại***. Mã số thuế được dùng để kê khai nộp thuế cho tất cả các loại thuế mà đối tượng đó phải nộp, kể cả trường hợp đối tượng nộp thuế kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh trên các địa bàn khác nhau.

Mã số thuế gắn với sự tồn tại của đối tượng nộp thuế. Mã số thuế đã được cấp sẽ không được sử dụng lại để cấp cho đối tượng nộp thuế khác. Đối tượng nộp thuế chấm dứt tồn tại thì mã số thuế sẽ không còn giá trị sử dụng. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh chấm dứt tồn tại thì mã số thuế bị đóng và không được sử dụng lại. Mã số thuế đã cấp cho một cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh hoặc một cá nhân sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời của cá nhân đó, kể cả trường hợp cá nhân đã ngừng hoạt động kinh doanh sau đó hoạt động kinh doanh trở lại thì vẫn phải sử dụng lại mã số thuế đã được cấp trước đó. Cơ quan Thuế chỉ cấp mã số thuế duy nhất một lần cho một cá nhân đăng ký thuế.

4.1. Mã số thuế 10 số ($N_1N_2 - N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9-N_{10}$) được cấp cho:

- Doanh nghiệp nhà nước gồm: doanh nghiệp độc lập, tổng công ty, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng, hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam; Bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm nộp hộ thuế cho các nhà thầu và nhà thầu phụ nước ngoài; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam trực tiếp kê khai, nộp thuế; nhà thầu là người điều hành hoặc công ty điều hành hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; Chi nhánh của công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- Chủ dự án, các nhà thầu chính nước ngoài của các dự án ODA, các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam phải đăng ký thuế để được hoàn thuế;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh;
- Hợp tác xã;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân;
- Cá nhân, chủ hộ kinh doanh, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác;
- Cá nhân nộp thuế theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
- Đơn vị được uỷ quyền thu thuế, đơn vị thu phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của Pháp luật;
- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và các tổ chức, đơn vị sự nghiệp khác.

4.2. Mã số thuế 13 số ($N_1N_2- N_3N_4N_5N_6N_7N_8N_9 -N_{10}-N_{11}N_{12}N_{13}$) được cấp cho:

- Các chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh và đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế;
- Doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty;

- Nhà thầu tham gia hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí (trừ nhà thầu điều hành hợp đồng); nhà thầu, nhà thầu phụ không trực tiếp nộp thuế với cơ quan Thuế.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng công ty và doanh nghiệp có phát sinh nộp thuế;
- Chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân, chủ hộ kinh doanh có các cơ sở, cửa hàng kinh doanh đóng tại các địa bàn quận, huyện, thị xã hoặc tỉnh khác nhau thì ngoài mã số thuế chính 10 số còn được cấp các mã số thuế 13 số để kê khai nộp thuế cho các cơ sở, cửa hàng kinh doanh với cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở, cửa hàng này.
- Xã viên hợp tác xã, các cá nhân thuộc các tổ chức kinh tế kinh doanh theo phương thức nhận khoán, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế.

Các đối tượng quy định tại điểm 4.2 trên được gọi là các "Đơn vị trực thuộc". Đơn vị có các đơn vị trực thuộc được gọi là "Đơn vị chủ quản". Các đơn vị trực thuộc không phân biệt hình thức hạch toán độc lập hay hạch toán phụ thuộc đều được cấp mã số thuế 13 số.

Các đơn vị chịu sự quản lý của đơn vị trực thuộc nhưng đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan Thuế thì đơn vị chủ quản (có mã số thuế 10 số) của đơn vị trực thuộc phải thực hiện kê khai các đơn vị này vào "Bản kê các đơn vị trực thuộc" để cơ quan Thuế cấp mã số thuế 13 số. Trường hợp đơn vị chủ quản không kê khai bổ sung đơn vị trực thuộc thì các đơn vị này phải thực hiện kê khai đăng ký mã số thuế trực tiếp với cơ quan Thuế. Cơ quan Thuế gửi Thông báo mã số thuế 10 số để đơn vị sử dụng trong việc kê khai, nộp thuế.

5- Chứng nhận cấp mã số thuế:

5.1. Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Các đối tượng nộp thuế thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký mã số thuế được cơ quan Thuế chứng nhận cấp mã số thuế bằng "**Giấy chứng nhận đăng ký thuế**" theo mẫu số 10-MST.

5.2. Thẻ mã số thuế cá nhân: Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký mã số thuế được cấp "Thẻ mã số

thuế cá nhân” theo mẫu số 12-MST kèm theo Thông tư này.

5.3. Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu: Đối tượng nộp thuế có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu khi kê khai hồ sơ đăng ký thuế và kê khai đăng ký mã số xuất nhập khẩu theo hướng dẫn tại điểm 4 Mục II của Thông tư này sẽ được cấp “Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu” ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Đối tượng nộp thuế có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu sử dụng "Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu" khi làm các thủ tục khai báo về xuất nhập khẩu với cơ quan Hải quan.

5.4. Thông báo mã số thuế: các trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế thì được cơ quan Thuế cấp **Thông báo mã số thuế** theo mẫu số 11-MST.

6- Thay đổi thông tin đăng ký thuế: ĐTNT có thay đổi các nội dung đã kê khai đăng ký thuế, phải kê khai bổ sung với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý thu thuế theo mẫu 08-MST.

7- Đóng mã số thuế: đóng mã số thuế là việc cơ quan Thuế xác định mã số thuế không còn giá trị sử dụng. Mã số thuế bị đóng khi các tổ chức, cá nhân kinh doanh giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại, cá nhân chết, mất tích, hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Cơ quan Thuế thông báo công khai danh sách các mã số thuế đã bị đóng. Mã số thuế bị đóng thì Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Chứng nhận mã số xuất nhập khẩu sẽ không còn hiệu lực sử dụng. Đối tượng nộp thuế không được sử dụng mã số thuế đã được cơ quan Thuế thông báo đóng mã số thuế.

8. Huỷ Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu: tổ chức, cá nhân được cấp Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu, nếu bị đóng mã số thuế, ngừng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc bị cơ quan Hải quan đình chỉ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu thì sẽ bị huỷ Chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

II- THỦ TỤC ĐĂNG KÝ MÃ SỐ THUẾ:

1- Nơi đăng ký và thời hạn cấp mã số thuế: